

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2024/HS-ST**

Ngày 26-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương** và Ông **Đinh Chí Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoài Khanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 và ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về tội “Giữ người trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

01/ Nguyễn Thị B (UB); sinh ngày 01/01/1973 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Chồng tên Nguyễn Hữu N, sinh năm 1991 và C 04 người con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự C 01 tiền sự: Vào năm 2022 bị cáo bị Công an xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng”, tại Quyết định số: 64/QĐ-XPHC ngày 20 tháng 12 năm 2022 đến ngày 05/5/2023 bị cáo mới nộp phạt; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2014 bị cáo bị Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 171/2014/HS-ST ngày 05/8/2014; Vào năm 2024 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù, về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 và bị xử phạt 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc” tại

bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2024/HS-ST ngày 22/3/2024; Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra. (Bị cáo C mặt tại phiên tòa).

2. **Liêu Hoàng B1**, sinh ngày 15/3/1996 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liêu Văn U, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; Tiền án C 01 tiền án: Vào năm 2021 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2021/HS-ST ngày 28/4/2021, đến ngày 22/3/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra. (Bị cáo C mặt tại phiên tòa).

3. **Phạm Văn C**, sinh ngày 01/01/1993 tại Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp TTT, xã TPT, huyện CT A, tỉnh HG; Chỗ ở hiện nay: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N (Chết) và bà Sơn Thị H (chết); Vợ con: Chưa C; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo C mặt tại phiên tòa).

4. **Nguyễn Trương T**, sinh ngày 06/6/2000 tại Cà Mau; Nơi cư trú: ấp MTB, xã KBTB, huyện TVT, tỉnh CM; Chỗ ở hiện nay: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Lâm Kim O, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo C mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

01/ Anh **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 1995 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TB, xã TB, huyện GR, tỉnh KG

02/ Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 2005 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TH, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

03/ Anh **Đặng Linh E**, sinh năm 1996 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: Tổ .., Khóm .., phường .., TP. CL, tỉnh ĐT

04/ Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1994 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp XM, xã TH, huyện GR, tỉnh KG

05/ Anh **Trần Văn T3**, sinh năm 1995 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp MH, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG

06/ Anh **Danh D**, sinh năm 1981 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TC, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG

07/ Anh **Nguyễn Văn TA**, sinh năm 1994 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TT, xã TB, huyện BT, tỉnh VL

08/ Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1992 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp AT, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT

09/ Ông **Hứa Văn D1**, sinh năm 1964 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp BT, xã AS, huyện KH, tỉnh KG

10/ Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp HT, xã MT, huyện CT, tỉnh KG

11/ Anh **Danh Th**, sinh năm 1990 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp VH2, xã VHP, huyện CT, KG

12/ Anh **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1984 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp VQ, xã VA, huyện CT, tỉnh AG

13/ Anh **Danh M**, sinh năm 1988 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp MH, xã MH, huyện CT, tỉnh KG

14/ Anh **Tăng Văn M**, sinh năm 1981 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TĐ, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG

15/ Anh **Thái Hữu Th**, sinh năm 1990 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: Xóm ..., xã TT, huyện YT, tỉnh NA

16/ Anh **Thạch P**, sinh năm 1972 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp ĐG, xã NT, huyện AB, tỉnh KG

17/ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TY, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

18/ Chị **Võ Kim T**, sinh năm 1980 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp MH, xã MT, huyện CP, tỉnh BT

19/ Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1992 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp TĐ, phường MĐ, TP. HT, tỉnh KG

20/ Anh **Danh S**, sinh năm 1995 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

21/ Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

22/ Anh **Danh N** (Nguyễn Văn T), sinh năm 1999 (C đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu C trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị B làm nghề môi giới cho ngư phủ đi ghe biển ở khu vực Cảng cá Tắc Cậu (xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang). B giao Phạm Văn C, Nguyễn Trương T là người làm thuê cho B và Liêu Hoàng B1 là con ruột C nhiệm vụ trông coi việc ăn ở, đi lại của ngư phủ (đã ứng tiền đi ghe trước của B) tại nhà thuộc tổ .., ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG cho đến khi các ngư phủ xuống ghe đi biển. Khoảng 15 giờ ngày 11 tháng 01 năm 2024, lực lượng Công an huyện Châu Thành đã kiểm tra hành chính tại ngôi nhà thuộc tổ 1, ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG của Nguyễn Thị B thì phát hiện tại đây đang khoá trái cửa và bên trong đang giữ 22 người trái pháp luật gồm: Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn T, Đặng Linh E, Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Danh D, Nguyễn Văn TA, Nguyễn Văn P, Danh N (Nguyễn Văn T), Hứa Văn D, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S, Danh Th, Nguyễn Tấn V, Danh M, Tăng Văn M, Thái Hữu T, Thạch P, Nguyễn Văn H, Võ Kim T, Trần văn K, Danh S.

Bằng việc cho mượn tiền rồi buộc người mượn phải ở lại nhà B để chờ ngày xuống ghe đi biển, Nguyễn Thị B giao cho Phạm Văn C, Nguyễn Trương T và Liêu Hoàng B1 quản lý, kiểm soát những người này, hạn chế việc đi lại ra khỏi nơi ở là nhà của B bằng cách muốn đi đâu thì những người này phải hỏi C, T hoặc B1 để báo lại cho B, khi B xem xét cho đi mới được đi, những ai còn nợ tiền thì bắt buộc phải do C, T hoặc B1 chở đi mới được, nếu không C việc gì thì khoá cửa lại không ai được đi ra khỏi nhà. C, T, B1 thay phiên nhau giữ chìa khoá, nếu ai vắng thì giao lại cho người ở nhà khoá cửa và trông coi, quản lý những người ngư phủ này tránh trường hợp bỏ trốn mất tiền B cho họ ứng trước. Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại ngôi nhà thuộc tổ .., ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG của Nguyễn Thị B đang giữ 22 người trái pháp luật do Phạm Văn C, Nguyễn Trương T đang trực tiếp trông coi, khoá cửa bên trong thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện.

Tại bản cáo trạng số: 72/CT-VKS-CT ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị B,

Liêu Hoàng B1, Phạm Văn C và Nguyễn Trương T về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** từ 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Quyết định tổng hợp hình phạt số: 05/2024/QĐ-CA ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh Kiên Giang đối với bị cáo B.

2/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Liêu Hoàng B1** từ 08 đến 11 tháng tù.

3/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** từ 06 đến 09 tháng tù.

4/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trương T** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng theo như ý chí của các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 cây dao dài 46cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, rộng 05cm, mũi nhọn. Cán bằng gỗ màu đen, C 04 tấm ốp bằng kim loại màu vàng, vỏ dao dài 34cm, rộng 6,2cm, bằng gỗ, C các họ tiết điều khắc màu đen, 03 tấm kim loại màu vàng ốp gỗ, gắn 01 sợi dây màu đen; 01 ổ khoá bằng kim loại màu vàng đồng, C chữ Việt Tiệp và 02 chìa khoá.

Các bị cáo không C ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không C ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác C trong hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 11/01/2024 lực lượng Công an đến kiểm tra tại nhà của Nguyễn Thị B ngụ tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện B đang giữ 22 người nên tiến hành lập biên bản. Qua quá trình điều tra xác định được Nguyễn Thị B làm nghề môi giới cho ngư phủ đi ghe biển tại khu vực Cảng cá Tắc Cậu. Trong quá trình hành nghề B C trang bị nhà và giao cho Phạm Văn C, Nguyễn Trương T và Liêu Hoàng B1 quản lý, trông coi các ngư phủ ứng tiền đi ghe biển của B hạn chế không cho họ đi lại, muốn đi đâu, làm gì thì phải được sự đồng ý của B, đêm ngủ thì khoá trái cửa bên trong tránh việc các ngư phủ bỏ trốn.

Đối chiếu theo quy định pháp luật thì hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị B, Liêu Hoàng B1, Phạm Văn C và Nguyễn Trương T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng mà VKS nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra vụ án.

Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo HĐXX nhận định như sau:

3.1 Bị cáo B là người C đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ giữ người là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng trong quá trình hành nghề môi giới ngư phủ đi ghe biển vì lợi nhuận bất chính bị cáo đã trang bị nhà và nhờ người trông giữ ngư phủ ứng tiền của bị cáo ngày và đêm luôn khoá cửa bên trong nhằm tránh việc ngư phủ bỏ trốn và mọi sinh hoạt cũng như muốn đi đâu, làm gì thì phải được sự đồng ý của bị cáo. Bị cáo với vai trò chính là người chủ mưu khởi sự thực hiện hành vi phạm tội nên cần xem xét mức án của bị cáo cao hơn các bị cáo còn lại mới tương xứng.

3.2 Còn đối với các bị cáo C, T và B1 là người trưởng thành nhận thức rõ việc B yêu cầu các bị cáo quản lý trông coi cũng như giám sát việc đi lại của các ngư phủ không cho họ tự do đi lại là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải khuyên ngăn hoặc từ chối việc B ngỏ ý cho các bị cáo nhưng trái lại các bị cáo

lại tiếp tay cùng bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội, không nghĩ gì đến hậu quả gây ra. Chính sự giúp sức của các bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi để B thực hiện hành vi phạm tội được hoàn thành nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo B.

Trong vụ án này cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo C tính chất đồng phạm. Tuy nhiên giữa các bị cáo không C sự sắp xếp, phân công thực hiện hành vi phạm tội cụ thể nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó, không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội C tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX nhận thấy cần C mức án nghiêm và cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho các trường hợp tương tự khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

4.1 Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo B, C và T không C tình tiết tăng nặng được quy định Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo B1 C 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.2 Về nhân thân: Các bị cáo B và B1 là người C nhân thân xấu vì đã từng C tiền án, tiền sự.

4.3 Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và sau khi phạm tội mặc dù các bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì tuy nhiên nhận thấy hành vi của các bị cáo là sai trái nên các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để khắc phục hậu quả cho các bị hại; đồng thời C 04 bị hại C đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo C 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình là C căn cứ đúng pháp luật. Riêng bị cáo C và T là người C nhân thân tốt không C tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu nên cần xem xét mức án của hai bị cáo nhẹ hơn so với bị cáo B và B1 là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là C căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt tất cả các bị hại đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Tuy nhiên, vào ngày 04/7/2024 bị cáo Nguyễn Thị B đã đại diện cho các bị cáo tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để khắc phục cho các bị hại. Tại phiên tòa các bị cáo trình bày do nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật các bị cáo muốn khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại nhưng do các bị hại không yêu cầu bồi thường nên các bị cáo đề nghị HĐXX tuyên tịch thu số tiền trên sung vào Ngân sách Nhà nước. Xét sự tự nguyện của các bị cáo không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 cây dao dài 46cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, rộng 05cm, mũi nhọn. Cán bằng gỗ màu đen, C 04 tấm ốp bằng kim loại màu vàng, vỏ dao dài 34cm, rộng 6,2cm, bằng gỗ, C các họ tiết điều khắc màu đen, 03 tấm kim loại màu vàng ốp gỗ, gắn 01 sợi dây màu đen; 01 ổ khoá bằng kim loại màu vàng đồng, C chữ Việt Tiệp và 02 chìa khoá, đã qua sử dụng đây là vật chứng thu giữ trong vụ án đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải C nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

1.2 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Liêu Hoàng B1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

1.3 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Trương T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B 01** (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, về tội “Đánh bạc” theo Quyết định tổng hợp hình phạt số: 05/2024/QĐ-CA ngày 28/6/2024 của Tòa án

nhân dân Tỉnh Kiên Giang buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chấp hành hình phạt chung là **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2 Xử phạt bị cáo **Liêu Hoàng B1 10** (mười) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C 08** (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2024.

2.4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trương T 08** (tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Trương T từ ngày 26/8/2024 cho đến ngày 12/9/2024. “Hết thời hạn tạm giam này, Cơ sở giam giữ C trách nhiệm trả tự do ngay cho hai bị cáo, nếu hai bị cáo không bị giam, giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số: 0004782 ngày 04/7/2024.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu huỷ 01 cây dao dài 46cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, rộng 05cm, mũi nhọn. Cán bằng gỗ màu đen, C 04 tấm ốp bằng kim loại màu vàng, vỏ dao dài 34cm, rộng 6,2cm, bằng gỗ, C các họ tiết điều khắc màu đen, 03 tấm kim loại màu vàng ốp gỗ, gắn 01 sợi dây màu đen; 01 ổ khoá bằng kim loại màu vàng đồng, C chữ Việt Tiệp và 02 chìa khoá, theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 56/QĐ-VKS-CT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị B, Liêu Hoàng B1, Phạm Văn C và Nguyễn Trương T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo C quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa C quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu